

Họ và tên: Số báo danh: **Mã đề 121**

PHẦN I. (4,5 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Dân số nước ta phân bố không đều đã ảnh hưởng đến vấn đề chủ yếu nào sau đây?

- A. Việc phát triển giáo dục, y tế.
- B. Khai thác tài nguyên và giải quyết việc làm.
- C. Vấn đề giải quyết việc làm.
- D. Nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Câu 2. Vùng sản xuất lương thực lớn nhất nước ta là

- A. Đồng bằng sông Cửu Long.
- B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- C. Trung du và miền núi Bắc Bộ
- D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 3. Cơ cấu sử dụng lao động theo ngành kinh tế nước ta đang chuyển dịch theo hướng

- A. giảm tỉ trọng lao động của nhóm ngành dịch vụ và công nghiệp.
- B. tăng tỉ trọng lao động của nhóm ngành nông, lâm, ngư nghiệp.
- C. giảm tỉ trọng lao động của nhóm ngành công nghiệp - xây dựng.
- D. tăng tỉ trọng lao động của nhóm ngành công nghiệp - xây dựng.

Câu 4. Giải pháp phân bố hợp lí dân cư và lao động trên phạm vi cả nước chủ yếu nhằm

- A. Thay đổi cơ cấu tuổi, khai thác hợp lí tài nguyên.
- B. Khai thác tốt tài nguyên, sử dụng lao động hợp lí.
- C. Giải quyết vấn đề việc làm, giảm gia tăng dân số.
- D. Giảm bớt số lao động, nâng cao chất lượng sống.

Câu 5. Khu vực nào sau đây ở nước ta có tỉ lệ lao động thất nghiệp cao nhất?

- A. Nông thôn.
- B. Cao nguyên.
- C. Đồng trung du.
- D. Thành thị.

Câu 6. Để sử dụng có hiệu quả quỹ thời gian lao động dư thừa ở nông thôn, biện pháp tốt nhất là

- A. khai hoang mở rộng diện tích.
- B. tiến hành thâm canh, tăng vụ.
- C. khôi phục nghề truyền thống.
- D. phát triển kinh tế hộ gia đình.

Câu 7. Phát biểu nào sau đây đúng với sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta?

- A. Tốc độ chuyển dịch diễn ra nhanh chóng.
- B. Tỉ trọng dịch vụ giảm dần.
- C. Tỉ trọng công nghiệp thấp.
- D. Chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa.

Câu 8. Phát biểu nào sau đây không đúng về đặc điểm dân số nước ta hiện nay?

- A. Dân tộc Kinh là đông nhất.
- B. Có nhiều dân tộc ít người.
- C. Gia tăng tự nhiên rất cao.
- D. Có quy mô dân số lớn.

Câu 9. Khó khăn lớn nhất trong sản xuất cây công nghiệp ở nước ta là

- A. khí hậu nhiệt đới nóng ẩm gió mùa.
- B. địa hình chủ yếu là đồi núi.
- C. thiếu hụt nguồn lao động.
- D. thị trường thế giới nhiều biến động.

Câu 10. Nhân tố có tính chất quyết định đến sự phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới của nước ta là

A. nguồn nước.

B. khí hậu nhiệt đới.

C. địa hình đa dạng.

D. đất feralit.

Câu 11. Phát biểu nào sau đây không đúng với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ ở nước ta?

A. Hình thành được các vùng kinh tế trọng điểm.

B. Hình thành các vùng chuyên canh nông nghiệp.

C. Xuất hiện các khu công nghiệp quy mô lớn.

D. Miền núi trở thành vùng kinh tế năng động.

Câu 12. Nguồn cung cấp thịt chủ yếu trên thị trường nước ta hiện nay là từ chăn nuôi

A. lợn.

B. gia cầm.

C. bò.

D. trâu.

Câu 13. Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta là

A. khai thác hiệu quả tài nguyên.

B. thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

C. sử dụng hợp lý nguồn lao động.

D. tăng cường hội nhập quốc tế.

Câu 14. Phương hướng quan trọng nhất nhằm giải quyết vấn đề việc làm ở nước ta hiện nay là

A. đẩy mạnh xuất khẩu lao động và mở rộng, đa dạng hóa loại hình đào tạo các cấp.

B. chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động và tăng cường sự quản lý của nhà nước.

C. kiểm soát tốc độ gia tăng dân số, phát triển kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa.

D. hình thành các khu công nghiệp, khu chế xuất và thu hút nguồn vốn đầu tư lớn.

Câu 15. Tỷ trọng nhóm tuổi từ 65 trở lên ở nước ta có xu hướng tăng là do

A. tuổi thọ trung bình thấp.

B. mức sống được nâng cao.

C. hệ quả của tăng dân số.

D. tỉ lệ gia tăng dân số giảm.

Câu 16. Xu hướng nổi bật của ngành chăn nuôi nước ta hiện nay là

A. phát triển mạnh dịch vụ về giống, thú y.

B. cơ cấu đàn vật nuôi ngày càng đa dạng.

C. tăng tỉ trọng sản phẩm không giết thịt.

D. ứng dụng tiến bộ khoa học và kĩ thuật.

Câu 17. Đặc điểm nào sau đây không đúng với dân số nước ta?

A. Đang có biến đổi nhanh về cơ cấu theo nhóm tuổi.

B. Gia tăng dân số tự nhiên ngày càng giảm.

C. Dân số đông, nhiều thành phần dân tộc.

D. Dân cư phân bố hợp lý giữa thành thị và nông thôn.

Câu 18. Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh đa dạng hóa nông nghiệp ở nước ta là

A. tạo thêm việc làm, sử dụng hiệu quả nguồn lao động.

B. bảo vệ môi trường, khai thác hợp lý điều kiện tự nhiên.

C. sử dụng hiệu quả nguồn lao động, bảo vệ môi trường.

D. khai thác hợp lý tự nhiên, sử dụng hiệu quả lao động.

PHẦN II. (4,0 điểm) Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Ngành trồng cây công nghiệp ở nước ta đang được phát triển theo chiều sâu, gắn với công nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm, nhiều sản phẩm có sức cạnh tranh cao trên thị trường trong nước và quốc tế. Tổng diện tích gieo trồng cây công nghiệp nước ta năm 2021 là hơn 2,6 triệu ha.

a). Diện tích cây công nghiệp của nước ta trong những năm gần đây liên tục tăng lên.

b). Cơ cấu cây công nghiệp của nước ta đa dạng chủ yếu do những thuận lợi về điều kiện dân cư và lao động.

c). Để ổn định sản xuất cây công nghiệp, giải pháp chủ yếu là mở rộng thị trường tiêu thụ, thực hiện xen canh.

d). Thị trường xuất khẩu mở rộng đã thúc đẩy hoạt động sản xuất cây ăn quả theo hướng hàng hóa ở nước ta.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Số dân của nước ta phân theo giới tính, giai đoạn 2010 - 2024

(Đơn vị: Triệu người)

Năm	2010	2015	2020	2022	2024
Nam	43,1	45,8	48,6	49,6	50,6
Nữ	44,0	46,4	49,0	49,9	50,8

(Nguồn: Cục thống kê 2024)

- a). Tổng dân số, dân số nam và dân số nữ của nước ta tăng không liên tục trong giai đoạn 2010 - 2024.
- b). Biểu đồ miền là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu dân số theo giới tính của nước ta, giai đoạn 2010 - 2024.
- c). Tỉ trọng dân số nam và dân số nữ của nước ta cân bằng trong giai đoạn từ năm 2010 đến 2024.
- d). Tỉ số giới tính có xu hướng tăng lên và tiến tới cân bằng giữa nam và nữ, năm 2022 đạt gần 99,4/100.

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Tỷ lệ thất nghiệp ở nước ta phân theo thành thị và nông thôn, giai đoạn 2019 - 2022

(Đơn vị: %)

Năm	2019	2021	2022
Cả nước	2,19	3,20	2,34
Thành thị	3,10	4,33	2,82
Nông thôn	1,74	2,50	2,04

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

- a). Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị giảm nhưng không liên tục.
- b). Tỷ lệ thất nghiệp của cả nước luôn cao hơn tỷ lệ thất nghiệp ở nông thôn.
- c). Thất nghiệp ở thành thị biến động mạnh hơn nông thôn do sự khác nhau về quy mô dân số.
- d). Tỷ lệ thất nghiệp ở nông thôn nước ta luôn cao hơn thành thị.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá là quá trình chuyển đổi toàn diện nền kinh tế và đời sống xã hội, dựa chủ yếu vào sự phát triển của công nghiệp và dịch vụ trên nền tảng áp dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, phù hợp với quá trình hội nhập và phát triển bền vững của đất nước.

- a). GDP của nước ta chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng của ngành dịch vụ, giảm công nghiệp, xây dựng và nông, lâm nghiệp, thủy sản.
- b). Quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở nước ta diễn ra tích cực, tuy nhiên tốc độ chuyển dịch còn chậm.
- c). Việc chuyển sang phát triển các ngành công nghiệp hiện đại chủ yếu giúp giải quyết nhiều việc làm, nâng cao thu nhập, nâng cao đời sống nhân dân.
- d). Để đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta hiện nay việc thu hút đầu tư nước ngoài là giải pháp chủ yếu nhất.

PHẦN III. (1,5 điểm) Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

GDP của nước ta giai đoạn 2020 - 2023

Năm	2020	2021	2022	2023
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	1 018 050	1 069 685	1 143 048	1 224 161
Công nghiệp, xây dựng	2 955 806	3 173 596	3 702 531	3 878 535
Dịch vụ	3 365 060	3 501 715	3 957 813	4 364 896
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	705 470	742 480	817 980	852 719

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024)

Cho biết tốc độ tăng trưởng năm 2023 so với năm 2020 (coi năm 2020 = 100%) của ngành công nghiệp, xây dựng cao hơn tốc độ tăng trưởng của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản bao nhiêu % ? (làm tròn đến 1 chữ số thập phân)

Câu 2. Biết diện tích tự nhiên của Việt Nam là 331 212 km², số dân năm 2024 là 101,3 triệu người. Vậy mật độ dân số nước ta năm 2024 là bao nhiêu người/km²? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/km²)

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Diện tích và sản lượng lúa đông xuân của nước ta, giai đoạn 2010 - 2022

Năm	2010	2015	2020	2022	2024
Diện tích (nghìn ha)	3 085,9	3 168,0	3 024,0	2 992,3	2 954,1
Sản lượng (nghìn tấn)	19 216,6	21 091,7	19 874,4	19 976,0	20 333,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022)

Cho biết năng suất lúa vụ đông xuân năm 2024 của nước ta lớn hơn năng suất lúa đông xuân năm 2010 bao nhiêu tạ/ha? (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân của tạ/ha)

Câu 4. Cho bảng số liệu:

Số lao động phân theo ngành kinh tế của nước ta năm 2010 và năm 2024

(Đơn vị: Nghìn người)

Năm	2010	2024
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	23 890,3	13 671,0
Công nghiệp – xây dựng	10 659,8	17 365,7
Dịch vụ	14 574,3	20 823,6
Tổng số	49 124,4	51 860,3

(Nguồn: Xử lý số liệu từ Cục Thống kê)

Cho biết tỉ trọng ngành dịch vụ năm 2024 cao gấp bao nhiêu lần tỉ trọng ngành dịch vụ năm 2010? (làm tròn kết quả đến 2 chữ số thập phân)

Câu 5. Theo thống kê, năm 2024 cả nước vẫn còn 2,53 % lao động thất nghiệp ở thành thị và 2,04% lao động thất nghiệp ở nông thôn. Số lao động của nước ta là 51,9 triệu người. Cho biết số lượng người lao động thất nghiệp ở thành thị của nước ta năm 2024 là bao nhiêu triệu người (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của triệu người).

Câu 6. Biết năm 2024, vùng Đồng bằng sông Cửu Long có 15,8 triệu người, sản lượng lương thực là 21,3 triệu tấn. Cho biết sản lượng lương thực bình quân đầu người năm 2024 của vùng Đồng bằng sông Cửu Long là bao nhiêu kg/người? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
B	A	D	B	D	C	D	C	D	B	D	A	B	C	B	D	D	A

1	2	3	4	1	2	3	4	5	6
DSSD	SDSD	DDSS	SDSS	11,0	306	6,6	1,35	1,3	1348

Họ và tên: Số báo danh: **Mã đề 125**

PHẦN I. (4,5 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Vùng sản xuất lương thực lớn nhất nước ta là

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Trung du và miền núi Bắc Bộ
C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 2. Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta là

- A. khai thác hiệu quả tài nguyên. B. tăng cường hội nhập quốc tế.
C. thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. D. sử dụng hợp lý nguồn lao động.

Câu 3. Đặc điểm nào sau đây không đúng với dân số nước ta?

- A. Dân số đông, nhiều thành phần dân tộc.
B. Gia tăng dân số tự nhiên ngày càng giảm.
C. Dân cư phân bố hợp lý giữa thành thị và nông thôn.
D. Đang có biến đổi nhanh về cơ cấu theo nhóm tuổi.

Câu 4. Khu vực nào sau đây ở nước ta có tỉ lệ lao động thất nghiệp cao nhất?

- A. Đồng trung du. B. Nông thôn. C. Cao nguyên. D. Thành thị.

Câu 5. Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh đa dạng hóa nông nghiệp ở nước ta là

- A. bảo vệ môi trường, khai thác hợp lý điều kiện tự nhiên.
B. sử dụng hiệu quả nguồn lao động, bảo vệ môi trường.
C. khai thác hợp lý tự nhiên, sử dụng hiệu quả lao động.
D. tạo thêm việc làm, sử dụng hiệu quả nguồn lao động.

Câu 6. Phát biểu nào sau đây đúng với sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta?

- A. Tốc độ chuyển dịch diễn ra nhanh chóng.
B. Tỉ trọng công nghiệp thấp.
C. Chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa.
D. Tỉ trọng dịch vụ giảm dần.

Câu 7. Nhân tố có tính chất quyết định đến sự phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới của nước ta là

- A. khí hậu nhiệt đới. B. đất feralit.
C. địa hình đa dạng. D. nguồn nước.

Câu 8. Phương hướng quan trọng nhất nhằm giải quyết vấn đề việc làm ở nước ta hiện nay là

- A. hình thành các khu công nghiệp, khu chế xuất và thu hút nguồn vốn đầu tư lớn.
B. chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động và tăng cường sự quản lý của nhà nước.
C. kiểm soát tốc độ gia tăng dân số, phát triển kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa.
D. đẩy mạnh xuất khẩu lao động và mở rộng, đa dạng hóa loại hình đào tạo các cấp.

Câu 9. Để sử dụng có hiệu quả quỹ thời gian lao động dư thừa ở nông thôn, biện pháp tốt nhất là

- A. khôi phục nghề truyền thống. B. phát triển kinh tế hộ gia đình.
C. tiến hành thâm canh, tăng vụ. D. khai hoang mở rộng diện tích.

Câu 10. Phát biểu nào sau đây không đúng với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ ở nước ta?

- A. Xuất hiện các khu công nghiệp quy mô lớn.
B. Hình thành các vùng chuyên canh nông nghiệp.
C. Hình thành được các vùng kinh tế trọng điểm.
D. Miền núi trở thành vùng kinh tế năng động.

Câu 11. Khó khăn lớn nhất trong sản xuất cây công nghiệp ở nước ta là

- A. thiếu hụt nguồn lao động.
- B. thị trường thế giới nhiều biến động.
- C. khí hậu nhiệt đới nóng ẩm gió mùa.
- D. địa hình chủ yếu là đồi núi.

Câu 12. Nguồn cung cấp thịt chủ yếu trên thị trường nước ta hiện nay là từ chăn nuôi

- A. bò.
- B. gia cầm.
- C. trâu.
- D. lợn.

Câu 13. Xu hướng nổi bật của ngành chăn nuôi nước ta hiện nay là

- A. cơ cấu đàn vật nuôi ngày càng đa dạng.
- B. phát triển mạnh dịch vụ về giống, thú y.
- C. ứng dụng tiến bộ khoa học và kĩ thuật.
- D. tăng tỉ trọng sản phẩm không giết thịt.

Câu 14. Dân số nước ta phân bố không đều đã ảnh hưởng đến vấn đề chủ yếu nào sau đây?

- A. Việc phát triển giáo dục, y tế.
- B. Nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.
- C. Vấn đề giải quyết việc làm.
- D. Khai thác tài nguyên và giải quyết việc làm.

Câu 15. Giải pháp phân bố hợp lí dân cư và lao động trên phạm vi cả nước chủ yếu nhằm

- A. Khai thác tốt tài nguyên, sử dụng lao động hợp lí.
- B. Giải quyết vấn đề việc làm, giảm gia tăng dân số.
- C. Giảm bớt số lao động, nâng cao chất lượng sống.
- D. Thay đổi cơ cấu tuổi, khai thác hợp lí tài nguyên.

Câu 16. Cơ cấu sử dụng lao động theo ngành kinh tế nước ta đang chuyển dịch theo hướng

- A. giảm tỉ trọng lao động của nhóm ngành dịch vụ và công nghiệp.
- B. tăng tỉ trọng lao động của nhóm ngành nông, lâm, ngư nghiệp.
- C. tăng tỉ trọng lao động của nhóm ngành công nghiệp - xây dựng.
- D. giảm tỉ trọng lao động của nhóm ngành công nghiệp - xây dựng.

Câu 17. Phát biểu nào sau đây không đúng về đặc điểm dân số nước ta hiện nay?

- A. Có quy mô dân số lớn.
- B. Dân tộc Kinh là đông nhất.
- C. Có nhiều dân tộc ít người.
- D. Gia tăng tự nhiên rất cao.

Câu 18. Tỉ trọng nhóm tuổi từ 65 trở lên ở nước ta có xu hướng tăng là do

- A. mức sống được nâng cao.
- B. tỉ lệ gia tăng dân số giảm.
- C. tuổi thọ trung bình thấp.
- D. hệ quả của tăng dân số.

PHẦN II. (4,0 điểm) Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Tỷ lệ thất nghiệp ở nước ta phân theo thành thị và nông thôn, giai đoạn 2019 - 2022

(Đơn vị: %)

Năm	2019	2021	2022
Cả nước	2,19	3,20	2,34
Thành thị	3,10	4,33	2,82
Nông thôn	1,74	2,50	2,04

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

- a). Tỷ lệ thất nghiệp của cả nước luôn cao hơn tỷ lệ thất nghiệp ở nông thôn.
- b). Tỷ lệ thất nghiệp ở nông thôn nước ta luôn cao hơn thành thị.
- c). Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị giảm nhưng không liên tục.
- d). Thất nghiệp ở thành thị biến động mạnh hơn nông thôn do sự khác nhau về quy mô dân số.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Số dân của nước ta phân theo giới tính, giai đoạn 2010 - 2024

(Đơn vị: Triệu người)

Năm	2010	2015	2020	2022	2024
Nam	43,1	45,8	48,6	49,6	50,6
Nữ	44,0	46,4	49,0	49,9	50,8

(Nguồn: Cục thống kê 2024)

- a). Tổng dân số, dân số nam và dân số nữ của nước ta tăng không liên tục trong giai đoạn 2010 - 2024.
- b). Tỉ số giới tính có xu hướng tăng lên và tiến tới cân bằng giữa nam và nữ, năm 2022 đạt gần 99,4/100.
- c). Biểu đồ miền là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu dân số theo giới tính của nước ta, giai đoạn 2010 - 2024.
- d). Tỉ trọng dân số nam và dân số nữ của nước ta cân bằng trong giai đoạn từ năm 2010 đến 2024.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Ngành trồng cây công nghiệp ở nước ta đang được phát triển theo chiều sâu, gắn với công nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm, nhiều sản phẩm có sức cạnh tranh cao trên thị trường trong nước và quốc tế. Tổng diện tích gieo trồng cây công nghiệp nước ta năm 2021 là hơn 2,6 triệu ha.

- a). Diện tích cây công nghiệp của nước ta trong những năm gần đây liên tục tăng lên.
- b). Cơ cấu cây công nghiệp của nước ta đa dạng chủ yếu do những thuận lợi về điều kiện dân cư và lao động.
- c). Thị trường xuất khẩu mở rộng đã thúc đẩy hoạt động sản xuất cây ăn quả theo hướng hàng hóa ở nước ta.
- d). Để ổn định sản xuất cây công nghiệp, giải pháp chủ yếu là mở rộng thị trường tiêu thụ, thực hiện xen canh.

Câu 4. Cho thông tin sau:

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá là quá trình chuyển đổi toàn diện nền kinh tế và đời sống xã hội, dựa chủ yếu vào sự phát triển của công nghiệp và dịch vụ trên nền tảng áp dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, phù hợp với quá trình hội nhập và phát triển bền vững của đất nước.

- a). GDP của nước ta chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng của ngành dịch vụ, giảm công nghiệp, xây dựng và nông, lâm nghiệp, thủy sản.
- b). Để đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta hiện nay việc thu hút đầu tư nước ngoài là giải pháp chủ yếu nhất.
- c). Quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở nước ta diễn ra tích cực, tuy nhiên tốc độ chuyển dịch còn chậm.
- d). Việc chuyển sang phát triển các ngành công nghiệp hiện đại chủ yếu giúp giải quyết nhiều việc làm, nâng cao thu nhập, nâng cao đời sống nhân dân.

PHẦN III. (1,5 điểm) Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Diện tích và sản lượng lúa đông xuân của nước ta, giai đoạn 2010 - 2022

Năm	2010	2015	2020	2022	2024
Diện tích (nghìn ha)	3 085,9	3 168,0	3 024,0	2 992,3	2 954,1
Sản lượng (nghìn tấn)	19 216,6	21 091,7	19 874,4	19 976,0	20 333,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022)

Cho biết năng suất lúa vụ đông xuân năm 2024 của nước ta lớn hơn năng suất lúa đông xuân năm 2010 bao nhiêu tạ/ha? (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân của tạ/ha)

Câu 2. Biết năm 2024, vùng Đồng bằng sông Cửu Long có 15,8 triệu người, sản lượng lương thực là 21,3 triệu tấn. Cho biết sản lượng lương thực bình quân đầu người năm 2024 của vùng Đồng bằng sông Cửu Long là bao nhiêu kg/người? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Số lao động phân theo ngành kinh tế của nước ta năm 2010 và năm 2024

(Đơn vị: Nghìn người)

Năm	2010	2024
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	23 890,3	13 671,0
Công nghiệp – xây dựng	10 659,8	17 365,7
Dịch vụ	14 574,3	20 823,6
Tổng số	49 124,4	51 860,3

(Nguồn: Xử lý số liệu từ Cục Thống kê)

Cho biết tỉ trọng ngành dịch vụ năm 2024 cao gấp bao nhiêu lần tỉ trọng ngành dịch vụ năm 2010? (làm tròn kết quả đến 2 chữ số thập phân)

Câu 4. Theo thống kê, năm 2024 cả nước vẫn còn 2,53 % lao động thất nghiệp ở thành thị và 2,04% lao động thất nghiệp ở nông thôn. Số lao động của nước ta là 51,9 triệu người. Cho biết số lượng người lao động thất nghiệp ở thành thị của nước ta năm 2024 là bao nhiêu triệu người (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của triệu người).

Câu 5. Cho bảng số liệu:

GDP của nước ta giai đoạn 2020 - 2023

(Đơn vị : tỉ đồng)

Năm	2020	2021	2022	2023
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	1 018 050	1 069 685	1 143 048	1 224 161
Công nghiệp, xây dựng	2 955 806	3 173 596	3 702 531	3 878 535
Dịch vụ	3 365 060	3 501 715	3 957 813	4 364 896
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	705 470	742 480	817 980	852 719

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024)

Cho biết tốc độ tăng trưởng năm 2023 so với năm 2020 (coi năm 2020 = 100%) của ngành công nghiệp, xây dựng cao hơn tốc độ tăng trưởng của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản bao nhiêu % ? (làm tròn đến 1 chữ số thập phân)

Câu 6. Biết diện tích tự nhiên của Việt Nam là 331 212 km², số dân năm 2024 là 101,3 triệu người. Vậy mật độ dân số nước ta năm 2024 là bao nhiêu người/km²? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/km²)

----- HẾT -----

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
C	C	C	D	C	C	A	C	A	D	B	D	C	D	A	C	D	A

1	2	3	4	1	2	3	4	5	6
DSDS	SDDS	DSDS	SSDS	6,6	1348	1,35	1,3	11,0	306